

## Người phụ nữ cao tuổi ở nông thôn

BÙI THẾ CƯỜNG

Bất bình đẳng nam nữ đã là một thực tế lịch sử toàn thế giới mà Việt Nam không là một ngoại lệ. Một phần vì vậy mà sự khác biệt nam nữ thường là một lát cắt phân tích quan trọng của nhiều công trình xã hội học thực nghiệm. Khi thực hiện chương trình "Người già và hệ thống an ninh xã hội ở miền Bắc Việt Nam", nhóm nghiên cứu đã chú trọng xem xét các vấn đề liên quan đến người phụ nữ cao tuổi. Chiến lược nghiên cứu được triển khai trên ba hướng chính: các số liệu thống kê, bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Trong bài này, tác giả nêu lên một vài nhận xét bước đầu về chủ đề những người phụ nữ trong tuổi già, trước hết là những người phụ nữ nông thôn.

### 1. Tên tuổi trong cộng đồng

Cuộc khảo sát ở làng An Điền ngay từ đầu gặp phải một khó khăn nho nhỏ song lại rất lí thú đối với người nghiên cứu: các cộng tác viên địa phương không thể nào nhận diện được các cụ bà trong làng mình trên danh sách được lập từ sổ sách chính thức của xã. Vì rằng danh sách này chép tên tục của họ, còn trong thực tế thì cộng đồng chỉ biết đến họ dưới tên chồng hoặc tên con thú. Người phụ nữ khi lấy chồng, rồi sau đó, khi có con trai, đã dần dần mất tên của mình, và với thời gian, cộng đồng chỉ còn nhớ đến người phụ nữ có tuổi theo tên chồng và con trai họ.

Điều này không đơn giản chỉ là một tập quán, nó phản ánh tính chất của quan hệ xã hội. Cuộc khảo sát của nhóm nghiên cứu gia đình tiến hành tháng 3-1992 tại xã Tam Sơn, Tiên Sơn, Hà Bắc, cho thấy trong các ngày giỗ hội của những tộc họ lớn, không bao gồm các thành viên gái của tộc họ đã đi lấy chồng, trong khi đó vai trò của những người làm dâu với tộc họ lại được chú trọng. Những thành viên nam nữ của tộc họ, khi trả lời phỏng vấn, đều thể hiện một quan niệm là một khi người đàn bà đã về làm dâu tại một gia đình và tộc họ nhất định thì nghĩa vụ và vinh dự là ở chỗ vun trồng cho sự trường tồn của gia đình và tộc họ đó. Ý thức về tổ chức gia đình và dòng họ theo phụ hệ là rất mạnh mẽ.

Cũng có một sự phân biệt nam nữ rất rõ rệt trong việc đặt tên cho lớp người nay thuộc nhóm người già. Cuộc điều tra ở làng An Điền cho thấy: trong khi 75% các cụ ông được hỏi có tên gốc âm Hán, thì chỉ có 32% các cụ bà có tên gốc âm Hán. Số còn lại được đặt tên chữ Nôm. Chúng ta biết rằng âm gốc Hán mang ấn tượng "trang trọng, chính thức" hơn, trong khi đó tên chữ Nôm có vẻ "nôm na, thô kệch" hơn. .

Trong khi hầu hết các cụ ông đều nhớ rõ năm sinh của mình theo dương lịch, thì đại đa số các cụ bà được hỏi tại làng An Điền không biết mình sinh năm dương lịch nào, mà chỉ có thể nói theo tuổi âm lịch ("tôi tuổi mùi, hoặc tuổi thìn, v.v..."). Rất nhiều trường hợp, các cụ bà được hỏi không thể nhớ trực tiếp ngay năm sinh của mình, mà phải căn cứ theo con đầu lòng ("tôi sinh cháu đầu vào năm tôi x tuổi, cháu tuổi Dậu, vị chi năm nay cháu y tuổi, tức là tuổi tôi năm nay là..."). Lý do có thể là vì các cụ bà thường có học vấn thấp hơn các cụ ông và định hướng văn hóa cũng khác với các cụ ông, cả hai điều này sẽ được đề cập ở phần sau.

### 2. Hôn nhân

Cuộc điều tra dân số năm 1989 cho biết chúng ta có 1,9 triệu cụ ông và 2,7 triệu cụ bà (từ 60 tuổi trở lên), tỉ số giới tính (sex ratios, tỉ lệ nam trên 100 nữ) của nhóm dân cư trên 60

tuổi là 71. Từ lớp tuổi 70 trở lên, chỉ số này giảm nhanh: ở nhóm tuổi 70-74, cứ 10 cụ bà có 7 cụ ông, ở nhóm tuổi 75-79 con số này là 6, ở nhóm tuổi 80 trở lên là 5. Điều muốn nói thêm ở đây là nếu như tỉ số giới tính của dân cư trên 60 tuổi không khác nhau giữa thành thị và nông thôn (72 so với 71), thì lại khác biệt đáng kể ở các nhóm tuổi khác nhau trong lớp người già. Trong khi tỉ số giới tính của nhóm tuổi 60-64 và 65-69 ở đô thị là 89 và 76, thì ở nông thôn là 81 và 73. Nhưng từ lớp tuổi 70 trở đi, có xu hướng ngược lại: tỉ số giới tính ở đô thị luôn thấp hơn ở nông thôn và mức độ thấp hơn ngày càng tăng với tuổi tác (xem bảng 1).

**Bảng 1: Tỷ số giới tính theo nhóm tuổi**

Khu vực	60 <sup>±</sup>	60-64	65-69	70-74	75-79	80-84	85 <sup>±</sup>	%
Cả nước	71	83	74	68	61	51	43	
Thành thị	72	89	76	65	56	44	35	
Nông thôn	71	81	73	69	62	52	45	

Nguồn: Đỗ Thịnh, Các số liệu người già thế giới, khu vực và Việt Nam, Tư liệu dự án 91-061.

Những con số trên nói lên rằng có sự chênh lệch lớn giữa số cụ ông và cụ bà, mức chênh lệch tăng theo độ tuổi, và ở đô thị lớn hơn nông thôn kể từ độ tuổi 70 trở đi. Điều này cũng phản ánh trong tình trạng hôn nhân mà cuộc điều tra dân số 1989 cho thấy: 36,87% những người 60 tuổi trở lên góa vợ hoặc chồng, 14,76% các cụ ông góa vợ và 52,61% các cụ bà góa chồng, tỷ lệ góa chồng gấp 3,5 lần tỷ lệ góa vợ. Về con số tuyệt đối có 282.307 cụ ông góa vợ và 1.414.077 cụ bà góa chồng, số góa chồng gấp 5 lần số góa vợ.

Từ số liệu điều tra của Hội liên hiệp phụ nữ ở 3 tỉnh năm 1986, Đặng Thu đã đưa ra bảng tỷ lệ góa bụa của 3 tỉnh tính theo giới và nhóm tuổi (xem bảng 2). Bảng này cho ta thấy độ tuổi 65 trở lên, số cụ bà góa chồng đạt tới mức 40%, ở độ tuổi 75 trở lên đạt tới mức 90%.

Mức cao hơn ở Quảng Nam - Đà Nẵng có lẽ do nguyên nhân chiến tranh.

**Bảng 2: Tỷ lệ góa của nhóm dân cư từ 55 tuổi theo giới và nhóm tuổi tại 3 tỉnh năm 1986**

Nhóm tuổi	<u>Hà Nội</u>		<u>Hải Hưng</u>		<u>Quảng Nam – Đà Nẵng</u>	
	<u>Nam</u>	<u>Nữ</u>	<u>Nam</u>	<u>Nữ</u>	<u>Nam</u>	<u>Nữ</u>
55-59	3,7	13,9	0,7	20,6	7,2	40,7
60-64	10,6	19,7	8,6	34,0	11,3	38,8
65-69	7,2	42,1	11,1	38,6	15,9	49,5
70-74	11,9	51,7	9,2	64,4	21,1	82,9
75-79	13,6	89,1	22,5	86,7	23,5	98,0
80 <sup>+</sup>	44,4	90,9	80,0	91,6	81,8	98,0

Nguồn: Đặng Thu, Nghiên cứu quốc gia về các chính sách và chương trình cho người già ở Việt Nam, Tư liệu Trung tâm nghiên cứu dân số, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Trong điều kiện biến đổi xã hội hiện nay, những người góa vợ góa chồng gặp phải hàng loạt khó khăn trong cuộc sống, mà ở đây số các cụ bà góa chồng lớn hơn rất nhiều số các cụ ông góa vợ. Ở làng An Điền, trong khi không có trường hợp nào các cụ ông ăn một mình thì có 32,2% các cụ bà được hỏi là ăn một mình. Trong khi 37,5% các cụ ông được hỏi ăn riêng

cùng với vợ, thì chỉ có 12,9% các cụ bà được hỏi là có thể ăn riêng cùng với người chồng. Dù trong trường hợp ăn một mình hay ăn với con cháu, người phụ nữ ở tuổi già cũng không thể ở vào hoàn cảnh và tâm trạng thuận lợi như khi họ được ăn cùng với bạn đời của mình, tuy rằng họ sẽ phải gánh toàn bộ công việc chuẩn bị bữa ăn cho chồng.

Khi được hỏi ai là người giúp đỡ gần nhất khi ốm đau, thì 68,7% các cụ ông ở An Điền kể ra người vợ của mình, còn 22,6% các cụ bà kể ra người chồng của mình. Mức độ kể đến người giúp đỡ gần nhất ở các cụ ông theo thứ tự là: vợ, con gái, con trai = con dâu, còn ở các cụ bà là: con gái, con dâu, con trai, chồng.

Cuộc điều tra ở xã Quảng Tiến<sup>(2)</sup> đưa ra con số 52,0% các cụ ông được hỏi và 23,1% các cụ bà được hỏi kể ra vợ/chồng mình là người chăm sóc gần gũi nhất khi ốm đau, và kể từ độ tuổi 75 trở đi, các cụ bà không còn có thể nêu lên người chồng như là người bạn gần gũi nhất khi họ đau ốm nữa (xem bảng 3).

Mức độ kể đến người giúp đỡ gần nhất khi đau ốm ở các cụ ông theo thứ tự là: vợ = con trai, con gái, dâu/rể; còn ở các cụ bà là: con trai, con gái, dâu/rể, chồng.

**Bảng 3: Tỷ lệ người được hỏi có vợ/chồng chăm sóc gần gũi nhất khi ốm đau ở xã Quảng Tiến theo giới tính và nhóm tuổi**

Nhóm tuổi \ Giới tính	%					
	60 <sup>+</sup>	60-64	65-69	70-74	75-79	80 <sup>+</sup>
Nam	52,0	60,6	60,5	41,7	47,4	20,0
Nữ	23,1	44,3	14,5	18,4	0,0	0,0

Nếu tính gộp những người độc thân, góa và ly dị, thì cuộc điều tra dân số năm 1989 cho thấy có 301.435 cụ ông và 1.456.446 cụ bà từ 60 tuổi trở sống không có bạn đời. Trong khi đó một loạt những yếu tố xã hội và văn hóa hiện nay lại khiến cho những người này rất khó có thể gặp gỡ nhau, thiết lập với nhau quan hệ bạn đời lần đầu tiên hoặc lần nữa trong đời để hỗ trợ nhau trong tuổi già<sup>(3)</sup>. Xã hội, cộng đồng, dòng họ và gia đình ít được làm quen và thường là thiếu thái độ ủng hộ những cuộc hôn nhân, hoặc ít nhất cũng là những cuộc kết bạn khác giới ở tuổi già. Ngay trong nhóm người già cũng thiếu một bầu không khí xã hội và tâm lý thuận lợi để vượt qua những trở ngại của quan niệm cũ. Và rốt cuộc, những người già thiếu bạn vẫn tiếp tục những năm tháng cuối đời của họ trong cảnh lẻ loi.

### 3. Học vấn

Sự chênh lệch lớn về học vấn của nhóm người già so với dân cư là điều rõ ràng và dễ hiểu, vì một phong trào bình dân học vụ sâu rộng chỉ bắt đầu từ sau 1945 và một hệ thống giáo dục phổ cập chỉ phát triển đáng kể từ giữa thập niên 50 trở đi.

Cuộc điều tra dân số năm 1989 cho thấy rõ mức chênh lệch này (xem bảng 4). Điều muốn nói ở đây là, ở nhóm người già tỷ lệ nữ chưa bao giờ đến trường và không biết đọc biết viết bao giờ cũng cao hơn nhiều lần (dao động từ 2,4 lần đến 3,8 lần ở nhóm người trên 60 tuổi) so với tỷ lệ nam, và điều này không có ngoại lệ. So sánh với mức trung bình xã hội, tỷ lệ nữ so với tỷ lệ nam chưa bao giờ đến trường ở dân cư nói chung cao gấp 1,5 lần; trong khi ở nhóm trên 60 tuổi là 2,5 lần. Điều đáng chú ý là mức chênh lệch trong tỷ lệ nữ so với tỷ lệ nam trên 60 tuổi chưa bao giờ đến trường ở thành thị lại cao hơn ở nông thôn (3,4 lần so với 2,4 lần), trong khi tỷ lệ người chưa bao giờ đến trường ở nông thôn bao giờ cũng cao hơn ở thành thị, đối với cả nam cũng như nữ. Ở các chỉ báo khác tình hình cũng tương tự.

**Bảng 4: Tỷ lệ chưa bao giờ đến trường và không biết đọc biết viết của dân cư và của nhóm tuổi già**

	Chưa bao giờ đến trường			Không biết đọc biết viết			%
	Chung	Nam	Nữ	Chung	Nam	Nữ	
<u>Tổng số dân cư</u>	16,97	13,37	20,22	12,03	7,43	16,19	
- Thành thị	9,63	7,30	11,75	6,03	3,22	8,53	
- Nông thôn	18,83	14,91	22,33	13,94	8,92	18,31	
<u>Nhóm 60<sup>±</sup>:</u>	48,49	25,75	64,64	45,46	22,52	61,76	
- Thành thị	35,65	14,80	50,52	32,39	12,31	46,71	
- Nông thôn	51,21	28,08	67,63	48,24	24,69	64,95	
<u>Nhóm 65<sup>±</sup>:</u>	55,60	31,58	71,37	52,43	27,79	68,61	
- Thành thị	42,51	18,93	57,42	38,85	15,84	53,40	
- Nông thôn	58,31	34,13	74,31	55,24	30,20	71,82	

Nguồn: Tổng điều tra dân số Việt Nam 1989. Kết quả điều tra toàn diện. Tập 2, Hà Nội 1991.

Đỗ Thịnh, Các số liệu người già thế giới, khu vực và Việt Nam, Tư liệu dự án 91+061.

Chú thích: Chỉ báo "chưa bao giờ đến trường" tính cho dân cư từ 5 tuổi trở lên, chỉ báo không biết đọc biết viết" tính cho dân cư từ 10 tuổi trở lên.

#### 4. Định hướng văn hóa - xã hội

Các cuộc phỏng vấn sâu và kết quả bảng hỏi ở làng An Điền cho cảm nhận một điều là dường như giữa các cụ ông và cụ bà có những khác biệt đáng kể trong định hướng văn hóa - xã hội. Mức độ sử dụng các phương tiện thông tin để theo dõi tin tức thời sự khác nhau rõ rệt: trong khi 62,5% các cụ ông được hỏi không bao giờ đọc báo thì ở các cụ bà là 92,3%. Có 68,7% số cụ ông được hỏi thường xuyên nghe đài thì ở các cụ bà chỉ là 19,2%, và có tới 30,8% các cụ bà không bao giờ nghe đài, trong khi điều này không gặp trường hợp nào ở các cụ ông. Cũng có đến 53,3% các cụ bà không bao giờ tham gia hội họp, còn ở các cụ ông là 16,7%. Có tới 16,7% các cụ bà được hỏi không tham gia hội bảo thọ trong khi ở các cụ ông là 6,2%. Các cụ ông cũng có mức tham gia thường xuyên cao hơn các cụ bà những buổi lễ tang trong thôn và họ hàng trong xã.

Đối với việc lễ chùa thì xu hướng hoàn toàn ngược lại: tuyệt đại đa số các cụ ông không tham gia, xem đây là "việc của các bà", đôi khi có cụ ông còn bực mình về chuyện vợ mình đi lễ chùa qua nhiều. Trong khi đó 87,1% các cụ bà được hỏi đều rất quan tâm đến việc này, trong số đó 29,6% thường xuyên tham gia, 18,5% tham gia một phần, 37% ít khi tham gia và 14,8% muốn tham gia nhưng không đi được vì những lý do khác nhau. Cần nói thêm rằng, An Điền ngày nay không còn đình chùa do bị phá bỏ từ những năm 60-70. Các cụ bà đã phải đi bộ xa 9-10 km để lễ chùa, song điều này không cản trở mức độ tham gia hào hứng của họ trong các buổi đi lễ chùa tập thể. Cuộc khảo sát ở xã Nhân Hòa<sup>(4)</sup> tháng 4-1992 cũng cung cấp thông tin tương tự: các cụ bà ở nhiều thôn giàu có do làm các nghề phi nông nghiệp thường đi lễ chùa ở rất xa. Một số phụ nữ cao tuổi tham gia thường xuyên đời sống ở chùa làng khi được phỏng vấn đều có nguyện vọng muốn được phục hưng các hoạt động nhà chùa ở nơi làng quê họ.

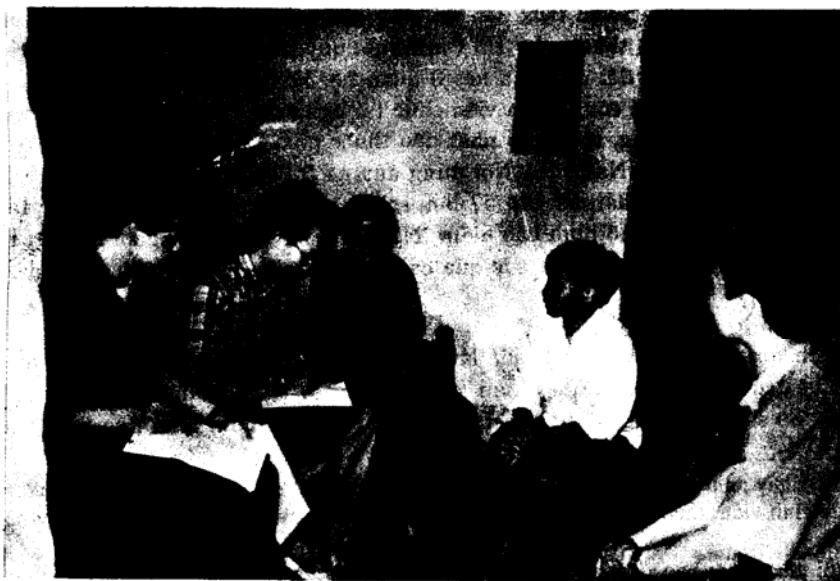
#### 5. Phác họa chân dung

Việc tiến hành chương trình nghiên cứu về người cao tuổi thông qua ba công cụ phân tích chính cho phép phác họa đôi nét chân dung xã hội của người phụ nữ cao tuổi ở nông thôn. Sinh ra đời, cha mẹ thường đặt tên cho họ xấu xí hơn các anh em trai. Thế nhưng khi bắt đầu cuộc đời ở nhà chồng, dần dần cộng đồng cũng không còn nhớ đến tên riêng của họ nữa. Tuyệt đại đa số các cụ bà hiện nay đã bắt đầu cuộc đời lao động thực sự từ 8-10 tuổi, 65% trong số

họ chưa bao giờ được đến trường và không biết đọc biết viết. Họ thường được cha mẹ gả bán năm 14-16 tuổi, rất ít trường hợp trên 17 tuổi mới về nhà chồng, và người bạn đời mà cha mẹ hai bên đã lựa chọn cho họ thường là bằng hoặc kém họ 2 tuổi. Ở An Điền, 13% các cụ bà đã trải qua 2 lần kết hôn, có 22,6% góa chồng trước tuổi 40, một số làm lẽ hoặc phải lấy vợ lẽ cho chồng do không có con trai, một số người ngày nay sống với con riêng của chồng hoặc với cháu. Nói cách khác, đời sống hôn nhân của họ cũng rất không bằng phẳng, song những trắc trở hôn nhân mà họ nếm trải hoàn toàn khác với những trắc trở hôn nhân của thế hệ trẻ ngày nay. Một nửa những người phụ nữ trên 60 tuổi góa chồng, và điều này tăng nhanh ở độ tuổi 70 trở đi. Khi ốm đau, họ ít có cơ hội được người chồng chăm sóc bởi các cụ ông đã ra đi trước, chỉ hơn 20% có thể nêu lên người chồng như là người gần gũi nhất khi đau ốm. Một phần đáng kể các cụ bà không có cơ hội để theo dõi tin tức thời sự qua các phương tiện thông tin hiện đại. Sinh hoạt văn hóa đem lại niềm vui lớn cho họ lại là những hoạt động mang màu sắc tôn giáo đó là các cuộc lễ chùa tập thể ngay tại làng mình hoặc đi xa hơn. Dường như các cụ bà đều có nguyện vọng muốn được thấy sự phục hưng của một đời sống văn hóa làng truyền thống, trong đó những nghi thức tôn giáo hoặc tín ngưỡng cổ truyền được tôn trọng.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Các cuộc khảo sát tại làng An Điền, xã Cộng Hòa, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng do Phòng Cơ cấu xã hội và Chính sách xã hội, Viện Xã hội học, tiến hành tháng 6-1991, mẫu: 47 người từ 50 tuổi trở lên, trong đó có 16 nam và 31 nữ. Tư liệu dự án 91+061
- 2) Cuộc điều tra xã hội học tại xã Quảng Tiến, huyện Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa do Viện Bảo vệ sức khỏe người có tuổi, Bộ Y tế, tiến hành tháng 6-1990, mẫu: 400 ngư từ 60 tuổi trở lên, trong đó nam: 179, nữ: 221 người.
- 3) Xem: Đỗ Thịnh, Hôn nhân hoàng hôn, Tư liệu dự án 91+061
- 4) Cuộc khảo sát tại xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Hưng tiến hành tháng 4-1992 trong khuôn khổ dự án 91+061.



Đoàn nghiên cứu khảo sát của dự án "Người già và hệ thống an sinh xã hội" (91-061) phỏng vấn người cao tuổi ở phường Quang Trung, thị xã Hải Dương, Hải Hưng tháng 4 năm 1992